

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST
Ngày: 31/5/2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Huyền Thương.
2. Bà Võ Thị Nguyệt Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phú – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-DS ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Bùi Công H– Giám đốc Trung tâm Giám sát kinh doanh Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Quảng Trị là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 727/2021/QĐ-LPB.QTR ngày 27/9/2021). Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quý H, sinh ngày 02/10/1983 và chị Lê Thị Thánh L, sinh ngày 02/01/1986; địa chỉ: Khu phố 4, phường 2, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị. Anh H và chị L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2021, bản trình bày ý kiến ngày 31/5/2022 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 25/09/2019, Ngân hàng

Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Quảng Trị đã ký Hợp đồng tín dụng số HĐTĐ55D20190030 với vợ chồng anh Nguyễn Quý H và chị Lê Thị Thánh L, số tiền cấp tín dụng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Thời hạn vay: 48 tháng; lãi suất trong hạn: 8.5%/năm (phương thức áp dụng lãi suất: Lãi suất cố định được tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu). Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. (cụ thể: Lãi suất quá hạn là 12.75%/năm); lãi suất nợ lãi chậm trả là 10%/năm. Trả nợ gốc và lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Tính đến ngày 31/05/2022 anh H và chị L đã trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền gốc là 31.350.000 đồng và tiền lãi là 10.729.375 đồng. Lần cuối cùng vợ chồng anh H, chị L trả nợ gốc và lãi là vào ngày 24/03/2021 với số tiền 3.000.000 đồng (trong đó tiền gốc: 2.090.000 đồng, lãi: 910.000 đồng). Do không trả được nợ đến hạn nên khoản vay của vợ chồng anh Nguyễn Quý H và chị Lê Thị Thánh L đã bị chuyển sang nợ quá hạn là ngày 05/12/2020. Kể từ khi khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng Thương mại cổ phần B đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để vợ chồng anh Nguyễn Quý H và chị Lê Thị Thánh L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả. Anh Nguyễn Quý H và chị Lê Thị Thánh L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc có trả trả nợ nhưng thường xuyên vi phạm các cam kết trả nợ. Bắt đầu từ kỳ ngày 25/01/2021 cho đến hiện tại, anh Nguyễn Quý H và chị Lê Thị Thánh L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B. Tính đến ngày 31/5/2022, vợ chồng anh Nguyễn Quý H và chị Lê Thị Thánh L còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền là: 84.556.585 đồng (Tám mươi bốn triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó: Nợ tiền gốc là 68.650.000 đồng;; nợ tiền lãi trong hạn là 12.069.255 đồng; nợ tiền lãi quá hạn là 3.837.330 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần B yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Nguyễn Quý H và chị Lê Thị Thánh L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B theo Hợp đồng tín dụng số HĐTĐ55D20190030 ký ngày 25/9/2019 với tổng số tiền tính đến ngày 31/5/2022 là 84.556.585 đồng (Tám mươi bốn triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng) và đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử và yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Nguyễn Quý H và chị Lê Thị Thánh L phải chịu lãi suất quá hạn trên tổng số tiền còn phải thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số HĐTĐ55D20190030 ký ngày 25/9/2019 cho đến khi hoàn tất khoản vay.

Anh Nguyễn Quý H và chị Lê Thị Thánh L trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; bị đơn anh Nguyễn Quý H chỉ có mặt tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 06/01/2022; các bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến gì gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B đề ngày 27/9/2021, Tòa án nhân dân thị xã Q xác định về quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng được giao kết và thực hiện thông qua Ngân hàng Thương mại cổ phần B và bị đơn cư trú tại khu phố 4, phường 2, thị xã Q. Do đó, theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Q thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các bị đơn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn chị Lê Thị Thánh L đều vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải. Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn anh Nguyễn Quý H có đơn đề nghị hoãn phiên tòa, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai các bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số HĐTD55D20190030 ký ngày 25/9/2019 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần B với Nguyễn Quý H và chị Lê Thị Thánh L là hợp pháp, vì thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định giao dịch dân sự nói chung cũng như các điều kiện có hiệu lực của Hợp đồng tín dụng theo quy định của Luật tổ chức tín dụng nên có giá trị bắt buộc với các bên tham gia giao dịch.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về khoản nợ gốc: Theo thỏa thuận tại Nguyễn Quý H và chị Lê Thị Thánh L thì các bị đơn phải trả số tiền gốc và tiền lãi định kỳ vào ngày 25 mỗi tháng. Đến ngày 25/01/2021 vợ chồng anh H, chị L đã vi phạm về mặt thời gian trả nợ nên khoản nợ bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 05/12/2020; lần cuối anh H, chị L trả nợ cho ngân hàng là vào ngày 24/3/2021. Tổng số tiền gốc đã trả là 31.350.000 đồng. Dư nợ gốc còn lại là 68.650.000 đồng thuộc trường hợp quá hạn thanh toán. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B về việc đòi nợ gốc là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận. (Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự)

Về khoản nợ lãi: Tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD55D20190030 ký ngày 25/9/2019 thì thỏa thuận lãi suất cho vay 8,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi trả định kỳ vào ngày 25 của mỗi tháng theo dư nợ gốc ban đầu. Do các bị đơn không trả nợ đến hạn, nguyên đơn đã chuyển nợ gốc và nợ lãi sang nợ quá hạn từ ngày 05/12/2020. Tổng số tiền lãi tính từ ngày nhận nợ là ngày 25/9/2019 cho đến kỳ trả cuối cùng vào ngày 24/3/2021 các bị đơn đã trả cho nguyên đơn

số tiền lãi là 10.729.375 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2022, tổng số tiền còn nợ lãi của các bị đơn là 15.906.585 (Mười lăm triệu chín trăm không sáu nghìn năm tám tám mươi lăm đồng), trong đó nợ tiền lãi trong hạn là 12.069.255 đồng; nợ tiền lãi quá hạn là 3.837.330 đồng. Xét hợp đồng tín dụng được xác lập và thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, phù hợp quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi còn nợ đến ngày 31/5/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 15.906.585 (Mười lăm triệu chín trăm không sáu nghìn năm tám tám mươi lăm đồng) là có cơ sở.

Như vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền gốc 68.650.000 đồng (Sáu mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày xét xử (31/5/2022) là 15.906.585 (Mười lăm triệu chín trăm không sáu nghìn năm tám tám mươi lăm đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Quý H và chị Lê Thị Thánh L phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 84.556.585 đồng (Tám mươi bốn triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc 68.650.000 đồng (Sáu mươi tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và nợ tiền lãi tính đến ngày xét xử (31/5/2022) là 15.906.585 (Mười lăm triệu chín trăm không sáu nghìn năm tám tám mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/5/2022), vợ chồng anh Nguyễn Quý H và chị Lê Thị Thánh L còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HĐTD55D20190030 ký ngày 25/9/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc vợ chồng anh Nguyễn Quý H và chị Lê Thị Thánh L phải chịu 4.227.829 đồng (Bốn triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm hai mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.893.000 đồng (Một triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000009 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên (Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị) xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thị xã Q;
- Chi cục THADS thị xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền Thương

Võ Thị Nguyệt Ánh

Phan Thị Hạnh